

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHƯỚC  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Trạngnh phúc

Bản án số: 166/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 17-6-2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Văn Công Minh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Phạm Thành Nghĩa.
- Ông Nguyễn Vĩnh Mậu.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Thanh An, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 26 tháng 04 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 521/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 05 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Thùy T, sinh năm 1995; cư trú tại thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Võ Thành T1, sinh năm 1994; cư trú tại thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại bản tự khai và tại phiên tòa hôn nay, nguyên đơn chị Lê Thị Thùy T trình bày: Chị và anh Võ Thành T1 kết hôn vào ngày 16 tháng 4 năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Trước khi kết hôn giữa chị và anh T1 có tìm hiểu rồi tự nguyện

đăng ký kết hôn chứ không ai ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc giữa chị và anh **T1** không còn phù hợp với nhau về tính cách, cả hai không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến chị và anh **T1** thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, kình cãi với nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hoà giải nhưng không có kết quả, hiện nay chị và anh **T1** không còn sống chung với nhau. Nay chị và anh **T1** không còn tình cảm gì với nhau nên chị yêu cầu ly hôn với anh **Võ Thành T1**.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị có 01 người con chung là cháu **Võ Hạ T2**, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2019. Chị yêu cầu giao con chung cho anh **Võ Thành T1** trực tiếp nuôi dưỡng; hiện nay anh **T1** đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Chị không yêu cầu Toà án giải quyết tài sản chung của vợ chồng chị. Hiện nay chị và anh **T1** không phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản đối với ai khác. Ngoài ra chị không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đã tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn anh **Võ Thành T1** tham gia tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh **Võ Thành T1** không có mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Lê Thị Thùy T**, cho chị **Lê Thị Thùy T** được ly hôn với anh **Võ Thành T1**; giao con chung của chị **Lê Thị Thùy T** và anh **Võ Thành T1** là cháu **Võ Hạ T2**, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2019 cho anh **T1** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **Võ Thành T1** không yêu cầu chị **Lê Thị Thùy T** cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Chị **Lê Thị Thùy T** và anh **Võ Thành T1** không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nguyên đơn chị **Lê Thị Thùy T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm thụ lý vụ án và hiện nay bị đơn anh **Võ Thành T1** cư trú tại **thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định**. Do đó theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh **Võ Thành T1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh **Nguyễn Ngọc T3**.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị Thùy T** và anh **Võ Thành T1** kết hôn vào ngày 16 tháng 04 năm 2018 có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38. Việc kết hôn giữa chị **T** và anh **T1** tuân theo các điều kiện quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị **T** và anh **T1** là hợp pháp. Chị **Lê Thị Thùy T** yêu cầu ly hôn với anh **Võ Thành T1** vì cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chị **T** sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc giữa chị **T** và anh **T1** không còn phù hợp với nhau về tính cách, cả hai không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến chị **T** và anh **T1** thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, kinh cãi với nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hoà giải nhưng không có kết quả, hiện nay chị **T** và anh **T1** không còn sống chung với nhau. Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị **T** và anh **T1** để tiến hành hòa giải, nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng chị **T** và anh **T1**, nhưng anh **T1** không đến Tòa để tham gia hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh **T1** tiếp tục vắng mặt. Do đó, có đủ căn cứ chứng minh hôn nhân giữa chị **T** và anh **T1** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét cho chị **T** được ly hôn với anh **T1**.

[3.2] Về con chung: Chị **Lê Thị Thùy T** và anh **Võ Thành T1** có 01 người con chung là cháu **Võ Hạ T2**, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2019. Chị **T** yêu cầu giao con chung cho anh **T1** trực tiếp nuôi dưỡng; hiện nay anh **T1** đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay anh **T1** đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Võ Hạ T2**. Vì vậy để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của **Võ Hạ T2**, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu **Võ Hạ T2** cho anh **T1** trực tiếp

trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh **Võ Thành T1** không yêu cầu chị **Lê Thị Thùy T** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét. Chị **T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng chị **T** không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh **T1**. Khi cần thiết chị **T** và anh **T1** đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Chị **Lê Thị Thùy T** và anh **Võ Thành T1** đều không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị **Lê Thị Thùy T** phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước.

[5] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Lê Thị Thùy T**.
2. Về quan hệ hôn nhân:
  - 2.1. Cho chị **Lê Thị Thùy T** ly hôn với anh **Võ Thành T1**.

2.2. Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Thùy T và anh Võ Thành T1 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định chứng nhận ngày 16 tháng 04 năm 2018 chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

### 3. Về con chung:

3.1. Giao con chung của chị Lê Thị Thùy T và anh Võ Thành T1 là cháu Võ Hạ T2, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2019 cho anh Võ Thành T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Hiện nay anh Võ Thành T1 đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Võ Hạ T2.

3.2. Anh Võ Thành T1 không yêu cầu chị Lê Thị Thùy T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

3.3. Chị Lê Thị Thùy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng chị Lê Thị Thùy T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Võ Thành T1. Khi cần thiết chị Lê Thị Thùy T và anh Võ Thành T1 đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

4. Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Chị Lê Thị Thùy T và anh Võ Thành T1 không tranh chấp về việc chia tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Thùy T phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị Lê Thị Thùy T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001513 ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị Thùy T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 17 tháng 6 năm 2024). Bị đơn anh Võ Thành T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

#### Nơi nhận:

- VKSND huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- UBND xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn thư.

**Văn Công Minh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**